

Số: 6074/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, Ngày 26 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định 31-CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4630/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-BGDĐT ngày 13/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2609/QĐ-BGDĐT ngày 23/9/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo Về việc tiết kiệm, cắt giảm chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị Quyết số 119/NQ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2039/QĐ-BGDĐT ngày 31/7/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3541/QĐ-BGDĐT ngày 13/11/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3541/QĐ-BGDĐT ngày 13/11/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng ban Kế hoạch Đầu tư và Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:



Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Đại học Thái Nguyên (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng ban Ban Kế hoạch Đầu tư và Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều ~~3~~, 
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc
- Lưu VT, Ban KHĐT&TC

GIÁM ĐỐC



PGS.TS Hoàng Văn Hùng

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 6074/QĐ-ĐHTN ngày 26/11/2024 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn kinh phí	ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ										TT Số	Nhà Xuất Bản	TT GDQP
			Văn phòng ĐHTN	Đại học Sư Phạm	Đại học Y dược	Đại học Nông Lâm	Đại học Kỹ thuật CN	Đại học Kinh tế	Đại học Khoa học	Đại học CNTT	Cơ Kinh tế kỹ thuật				
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí														
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	628.951,4	238.687,4	180.533,1	37.023,0	28.409,7	28.734,2	21.372,0	29.709,9	44.421,1	12.456,0		2.852,0	1.901,0	2.852,0
1	Tổng kinh phí chi sự nghiệp GDDT	614.603,0	224.339,0	180.533,1	37.023,0	28.409,7	28.734,2	21.372,0	29.709,9	44.421,1	12.456,0		2.852,0	1.901,0	2.852,0
1.1	Chi ngân sách nhà nước thường xuyên	183.894,5	69.936,0	19.488,0	-	16.161,0	20.839,0	10.457,0	10.457,0	22.277,5	6.654,0		2.852,0	1.901,0	2.852,0
1.2	Chi ngân sách nhà nước không thường xuyên	430.708,5	154.403,0	161.045,1	37.023,0	12.248,7	7.875,2	10.915,0	19.252,9	22.143,6	5.802,0		-	-	-
	Kinh phí đề án ngoại ngữ quốc gia	16.107,0	16.107,0												
	Kinh phí cấp bù học phí và sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm	242.344,0	103.612,0	138.732,0											
	Chế độ chính sách cho người học	135.673,0	30.449,0	6.019,0	32.809,0	8.395,0	7.097,0	8.659,0	17.524,0	18.919,0	5.802,0		-	-	-
	Kinh phí đào tạo diện Hiệp định vào Việt Nam	1.012,9	-	517,6	-	495,3	-	-	-	-	-		-	-	-
	Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên giao không tự chủ thực hiện duy tu sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, cơ sở vật chất	3.604,3	3.604,3												
	Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2023 (Đề án 89)	919,3	128,3	110,0	204,5	320,5	60,7	-	-	95,3	-		-	-	-
	KP Lào Campuchia	31.048,0	502,4	15.666,5	4.009,5	3.037,9	717,5	2.256,0	1.728,9	3.129,3	-		-	-	-
2	Sự nghiệp Khoa học công nghệ	13.548,4	13.548,4	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-
3	Kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin	800,0	800,0	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-

